

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *161*/HĐND-VP
V/v tổng kết công tác
năm 2017

Yên Thế, ngày 19 tháng 1 năm 2017

Kính gửi:

- Các ban HĐND huyện;
- Các tổ đại biểu HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện khóa XXI;
- Thường trực HĐND các xã, thị trấn.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Quy chế hoạt động của HĐND năm 2005, quyết định số 34/QĐ-HĐND ngày 25/5/2017 của TT HĐND huyện Yên Thế quy định nội dung chấm điểm và đánh giá hoạt động hàng năm đối với các Ban, các Tổ và đại biểu HĐND huyện Yên Thế khóa XXI; HĐND các xã, thị trấn nhiệm kỳ 2016-2021;

Để chuẩn bị tổng kết công tác, hoạt động trong năm và tổng kết công tác thi đua khen thưởng tại kỳ họp thứ Bảy, HĐND huyện khóa XXI, Thường trực HĐND huyện đề nghị các ban, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND huyện, Thường trực HĐND các xã, thị trấn thực hiện một số nội dung sau:

1. Xây dựng báo cáo, tổ chức đánh giá kết quả công tác, hoạt động của tập thể và cá nhân năm 2017, nêu bật được những kết quả, những ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm và nguyên nhân, đề ra phương hướng hoạt động nhiệm vụ công tác năm 2018.

2. Các ban, tổ đại biểu HĐND huyện, Thường trực HĐND xã, thị trấn gửi báo cáo kết quả công tác năm 2017 của tập thể, bản tự chấm điểm, tự nhận mức phân loại, biên bản họp của đơn vị mình, bản tự nhận xét kết quả hoạt động của cá nhân đại biểu HĐND huyện năm 2017 về Thường trực HĐND huyện **trước ngày 30/11/2017** (Đ/c *Vũ Thanh Hải, CVTH VP HĐND&UBND huyện nhận và tổng hợp*).

3. Căn cứ đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng và kết quả hoạt động năm 2017, tự chấm điểm theo quyết định số 34/QĐ-HĐND ngày 25/5/2017 của TT HĐND huyện Yên Thế quy định nội dung chấm điểm và đánh giá hoạt động hàng năm đối với các Ban, các Tổ và đại biểu HĐND huyện Yên Thế khóa XXI; HĐND các xã, thị trấn nhiệm kỳ 2016-2021; họp đánh giá, phân loại và bình xét đề nghị Thường trực HĐND huyện biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017 (*Thường trực HĐND huyện sẽ quyết định việc thay đổi các tiêu chí đánh giá nếu Thường trực HĐND tỉnh có hướng dẫn mới thay thế*).

- Mỗi ban HĐND huyện bình xét 01 cá nhân tiêu biểu, mỗi tổ đại biểu HĐND huyện bình xét 01 cá nhân tiêu biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017 đề nghị Thường trực HĐND huyện xét khen thưởng.

4. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng

4.1. Hồ sơ của ban và tổ đại biểu gồm: Đề nghị khen thưởng (*kèm theo danh sách tập thể và cá nhân có thành tích*); bản thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng; bản tự chấm điểm của tập thể và cá nhân (*bản thành tích của cá nhân có xác nhận của tổ trưởng hoặc lãnh đạo ban HĐND*).

4.2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng của HĐND xã, thị trấn gồm: Công văn đề nghị, báo cáo thành tích, bảng tự chấm điểm có xác nhận của Thường trực Đảng ủy xã, thị trấn. (*đối với HĐND các xã, thị trấn chỉ xét khen thưởng tập thể*).

4.3. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng: các Ban, các Tổ, các đại biểu HĐND, Thường trực HĐND các xã, thị trấn gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng năm 2017 về Thường trực HĐND huyện **trước ngày 05/12/2017**.

Các tập thể, cá nhân không gửi, gửi thiếu hoặc gửi muộn hồ sơ coi như không đề nghị và sẽ không được xét khen thưởng.

Thường trực HĐND huyện đề nghị Trưởng các ban, Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND huyện, Thường trực HĐND các xã, thị trấn quan tâm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Như kính gửi;
- Thường trực HĐND huyện;
- LĐ, CV VPHĐND&UBND huyện;

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thanh

QUY ĐỊNH

**Nội dung chấm điểm và đánh giá hoạt động hàng năm đối với các Ban, các Tổ
và đại biểu HĐND huyện Yên Thế khóa XXI; HĐND các xã, thị trấn
nhiệm kỳ 2016-2021**

(Kèm theo Quyết định số: 34/QĐ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2017
của TT HĐND huyện Yên Thế khóa XXI, nhiệm kỳ 2016-2021)

I. ĐỐI TƯỢNG

1. Tập thể:

- Các Ban của HĐND huyện;
- Các Tổ đại biểu HĐND huyện.
- HĐND các xã, thị trấn

2. Cá nhân: Đại biểu HĐND huyện khóa XXI, nhiệm kỳ 2016-2021.

II. TIÊU CHÍ CHẤM, CÁCH TÍNH ĐIỂM, TRỪ ĐIỂM VÀ THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chí chấm, cách tính, trừ điểm điểm gồm:

1.1. Đối với các Ban của HĐND huyện:

TT	TIÊU CHÍ CHẤM	CÁCH TÍNH ĐIỂM	CÁCH TÍNH ĐIỂM TRỪ (Điểm tối đa trừ đi điểm phải trừ)	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM
I	Xây dựng chương trình, BC công tác, chế độ Hội nghị			120	
1	XD chương trình công tác tháng (12 chương trình), quý (4 chương trình), 6 tháng (1 chương trình) và cả năm (1 chương trình)	- Chương trình công tác tháng: 2 điểm x12 tháng. - Chương trình công tác quý: 3 điểm x4 quý - Chương trình công tác 6 tháng+ cả năm: 5 điểm x2	- Thiếu trừ 150% số điểm; nợ mượn trừ 50% số điểm tương ứng cho mỗi loại.	46	
2	Báo cáo định kỳ gửi Thường trực HĐND, UBND huyện đúng quy định và đảm bảo chất lượng (14 BC): - BC 6 tháng+ cả năm: 2 BC - BC quý: 4 BC - BC tháng: 8 BC (tháng cuối quý gộp chung vào BC quý)	- BC công tác tháng: 2 điểm/BC - BC công tác quý: 3 điểm/BC - BC công tác 6 tháng+ cả năm: 5 điểm/BC		38	
3	Thực hiện đầy đủ chế độ họp Ban (có Nội dung và đầy đủ biên bản và hồ sơ hội nghị) (4 cuộc)	- 1 cuộc: 5 điểm	- Không có cuộc họp ban trừ 150% số điểm tương ứng/cuộc. - Thành viên Ban từ 60% đến dưới 80% tham dự trừ 50% số điểm	20	

			tương ứng/cuộc.		
4	Lãnh đạo Ban tham dự đầy đủ các Hội nghị của TT HĐND huyện (1 HN/ 1 tháng; 2 Hội nghị liên tịch trước kỳ họp thường lệ)	- Hội nghị liên tịch: 2 điểm/ 1 cuộc. - Phiên họp TT HĐND huyện hàng tháng: 1 điểm/ 1 cuộc	Không tham dự không có lý do chính đáng trừ 150% số điểm/ 1 cuộc tương ứng	16	
II	Các hoạt động chính			180	
1	Hoạt động tại kỳ họp			30	
1.1	Đề xuất Nội dung chất vấn tại kỳ họp HĐND huyện.	5 điểm/1 kỳ	- Không có đề xuất trừ 150% số điểm tương ứng	10	
1.2	Đề xuất Nội dung cần tập trung thảo luận tại kỳ họp HĐND huyện.	5 điểm/1 kỳ		10	
1.3	Theo dõi, giám sát việc trả lời chất vấn và chất vấn trực tiếp, truy vấn bổ sung khi Nội dung trả lời không đạt yêu cầu.	5 điểm/1 kỳ	Không theo dõi, giám sát trừ 150% số điểm tương ứng/kỳ.	10	
2	Thẩm tra			40	
	a) XD KH và hoàn thành các Nội dung thẩm tra do Thường trực HĐND huyện yêu cầu đảm bảo đúng thời gian (gửi các kỳ họp và phiên họp), đúng quy định.	1 kỳ họp: 5 điểm	Mỗi Nội dung chậm thời gian trừ 50% số điểm	10	
	b) Tỷ lệ thành viên tham gia thẩm tra/ mỗi đợt	5 điểm/1 đợt	Số lượng thành viên ban tham gia thẩm tra từ 60% đến dưới 80% trừ 50% số điểm tương ứng/1 đợt	10	
	c) Chất lượng báo cáo thẩm tra.	10 điểm/ 1 BC	Mỗi Nội dung Báo cáo thẩm tra: không đánh giá về sự cấp thiết, phù hợp của dự thảo trừ 04 điểm; không nêu quan điểm của Ban; không đề xuất phương án xử lý đối với những Nội dung có ý kiến khác nhau; trừ 03 điểm; Nội dung báo cáo chưa đảm bảo yêu cầu trừ 50% số điểm tương ứng/1 BC.	20	
3	Giám sát			40	
3.1	Xây dựng đầy đủ chương trình, kế hoạch (3 đợt/ 1 năm)	5 điểm/1 đợt	- Thiếu chương trình, kế hoạch trừ 150% số điểm; có xây dựng chương trình, KH nhưng muộn trừ 50% số điểm tương ứng	15	
3.2	Tổ chức hoàn thành 100% Chương trình giám sát đã ban hành đầu năm đúng thời gian (3 đợt/ 1 năm).	5 điểm/1 đợt	- Không hoàn thành trừ 150% số điểm - Hoàn thành chương trình giám sát nhưng muộn trừ 50% số điểm tương ứng/1 đợt - Thành viên Ban tham	15	

			gia đoàn giám sát từ 60% đến 80% trừ 50% số điểm tương ứng/1 đợt		
3.3	Thực hiện tốt trách nhiệm và sự phân công của TT HĐND trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện lời hứa trong trả lời chất vấn và thực hiện các kiến nghị sau giám sát.	5 điểm/1 kỳ	- Không có văn bản đôn đốc trừ 150% số điểm. - Theo dõi chậm, muộn, không hiệu quả trừ 50% số điểm.	10	
4	Hoạt động khảo sát			10	
	Xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch khảo sát theo yêu cầu nhiệm vụ và theo sự phân công của TT HĐND(2 cuộc/ 1 năm)	5 điểm/1 đợt	- Không có hoạt động khảo sát không được tính điểm. - Thành viên Ban tham gia từ 60% đến dưới 80%, hoặc chất lượng khảo sát không cao trừ 50% số điểm	10	
III	Hoạt động phối hợp khác			60	
1	Tích cực, chủ động tham gia và chuẩn bị tốt các Nội dung trình kỳ họp thường lệ (2 kỳ họp/ 1 năm)	10 điểm/1 kỳ	- Không chuẩn bị trừ 150% số điểm tương ứng/1 kỳ - Phối hợp và chuẩn bị nhưng chất lượng thấp trừ 50% số điểm tương ứng/1 kỳ	20	
2	Tích cực tham gia các hoạt động giám sát cùng TT HĐND huyện và các Đoàn giám sát của tỉnh	- Tham gia với TT HDND huyện (3 đợt): 10 điểm/1 đợt. - Tham gia giám sát với đoàn của tỉnh: 10 điểm	Vắng trừ 100% số điểm tương ứng với mỗi đợt	40	
TỔNG ĐIỂM CHẤM				300	

1.2. Đối với các Tổ đại biểu HĐND huyện

TT	TIÊU CHÍ CHẤM	CÁCH TÍNH ĐIỂM	CÁCH TÍNH ĐIỂM TRỪ (Điểm tối đa trừ đi điểm phải trừ)	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM
I	Chế độ họp và thông tin báo cáo			88	
1	Tổ chức triển khai thực hiện tốt các chương trình công tác theo KH của TT, các Ban HĐND và BC kết quả đầy đủ về TT HĐND huyện	- Chương trình công tác 6 tháng + cả năm (2): 5 điểm/1 BC - Chương trình công tác quý (4): 3 điểm/1BC - Chương trình công tác tháng (12): 2 điểm/1BC	- Thiếu trừ 150% số điểm tương ứng/1BC - Nộp muộn trừ 50% số điểm tương ứng/1BC	46	
2	Chế độ họp			42	
2.1	Họp tổ có đầy đủ biên bản và kết quả họp - Họp định kỳ theo quý	- 1 quý: 3 điểm	- Không họp, hoặc vắng họp không có lý do chính đáng trừ	12	

	- Chuẩn bị kỳ họp HĐND huyện	- 1 kỳ: 10 điểm	150% số điểm tương ứng/1 cuộc - Hợp muện trừ 50% số điểm tương ứng/1 cuộc - Thành viên tham dự họp tổ từ 75% đến 85% trừ 50% số điểm tương ứng/1 HN	20	
2.2	Kỳ họp HĐND huyện	- 1 kỳ: 5 điểm	Đại biểu HĐND vắng họp không lý do chính đáng trừ 150%; đi muện trừ 50% số điểm tương ứng/đại biểu/mỗi kỳ hoặc hội nghị	10	
II	Các hoạt động chính			212	
1	Các hoạt động chuẩn bị Nội dung và thực hiện chương trình kỳ họp			66	
1.1	Có văn bản tổng hợp Nội dung của kỳ họp gửi các câu hỏi đăng kỳ chất vấn của các đại biểu HĐND thuộc Tổ về Thường trực HĐND huyện.	- 1 kỳ: 10 điểm	Không có Nội dung không được tính điểm	20	
1.2	Có Nội dung đề xuất cần tập trung thảo luận gửi về TT HĐND huyện	- 1 kỳ: 5 điểm		10	
1.3	Có đăng ký thảo luận tại Hội trường gửi về TT HĐND huyện	- 1 kỳ: 5 điểm		10	
1.4	Có thành viên, phát biểu, thảo luận: - Tại Hội trường, - Tại Tổ (có trên 65% ĐB HĐND phát biểu thảo luận) - Có thành viên chất vấn trực tiếp tại kỳ họp	- 1 kỳ: 5 điểm - 1 kỳ: 3 điểm - 1 kỳ: 5 điểm	Không phát biểu, chất vấn trực tiếp hoặc không đủ tỉ lệ số ĐB thảo luận tại tổ không tính điểm	10 6 10	
2	Hoạt động giám sát			50	
2.1	Các thành viên của Tổ thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Đại biểu trong hoạt động giám sát thường xuyên (6 tháng, cuối năm có BC kết quả với tổ và TT HĐND)	- 1 kỳ: 10 điểm (thực hiện tính 5 điểm/1 kỳ; BC tính 5 điểm/1 kỳ)	- Thực hiện chưa đầy đủ chức năng nhiệm vụ trừ 150% số điểm; kết quả thấp trừ 50% số điểm tương ứng/1 kỳ - Không có báo cáo trừ 150%; nộp muện trừ 50% số điểm tương ứng/1 kỳ cho mỗi loại BC	20	
2.2	Khi có lịch và thông báo, ĐB ở cơ sở tham gia và thực hiện đầy đủ chương trình, hoạt động giám sát chuyên đề, khảo sát, thẩm tra với các Đoàn của TT, các Ban HĐND tỉnh, huyện (làm việc tại nơi ĐB HĐND ứng cử)		- Không tham gia không có lý do trừ 150% số điểm; có lý do trừ 50% số điểm (tính trên số điểm/ số cuộc tương ứng)	30	
3	Tiếp xúc cử tri (TXCT)			60	
3.1	Phân công và tổ chức để 100%	- 1 kỳ: 20 điểm (trước	- Mỗi đại biểu vắng	40	

	các đại biểu TXCT tại 100% điểm TXCT ở xã, thị trấn nơi ứng cử (trước và sau mỗi kỳ họp)	và sau mỗi kỳ họp)	không lý do trừ 150% số điểm, vắng có lý do trừ 50% số điểm tương ứng cho mỗi ĐB/mỗi kỳ.		
3.2	Báo cáo tổng hợp kết quả TXCT đảm bảo chất lượng, gửi đến Thường trực HĐND đúng thời gian quy định.	- 1 kỳ: 10 điểm	- Không có BC trừ 150%; muộn trừ 50% số điểm. Chất lượng không đảm bảo yêu cầu trừ 50% số điểm tương ứng/mỗi BC	20	
4	Tiếp tiếp công dân			36	
4.1	100% đại biểu trong tổ thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm theo KH của TT HĐND về lịch tiếp công dân	- 1 phiên tiếp/ 1 tháng: 2 điểm	- ĐB vắng mặt không tiếp dân, không có lý do chính đáng trừ 150% số điểm tương ứng/ 1 ĐB. Vắng có lý do trừ 50% số điểm/ 1 phiên tiếp/mỗi ĐB	24	
4.2	Thực hiện nghiêm túc việc phân công theo dõi và tổng hợp kết quả tiếp dân hàng quý gửi về TT HĐND	- 1 quý/1 BC: 2 điểm - Có theo dõi: 1 điểm	- Phân công theo dõi không chặt chẽ trừ 50% số điểm tương ứng mỗi phiên tiếp. Không có BC kết quả tiếp dân (6 tháng, cả năm) trừ 150%; muộn trừ 50%; chất lượng thấp trừ 50% số điểm tương ứng mỗi phiên tiếp/1 ĐB vắng.	12	
	TỔNG ĐIỂM CHẤM			300	

1. 3. Đối với đại biểu HĐND huyện

TT	TIÊU CHÍ CHẤM	Cách tính điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM TRỪ (Điểm tối đa trừ đi điểm phải trừ)	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM DO TẬP THỂ CHẤM
I	Thời gian tham gia hoạt động đại biểu HĐND huyện			44		
1	ĐB không chuyên trách đảm bảo dành tối thiểu 1/3 thời gian công tác cho hoạt động đại biểu HĐND huyện	- Mỗi tháng 2 điểm	Không đảm bảo thời gian hoặc không hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của ĐB trừ 150% số điểm.	24		
2	Tham gia đầy đủ các hoạt động chung và các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra của HĐND, TT, các Ban và của Tổ khi được mời, thông báo		Không tham gia, không BC, không có lý do chính đáng trừ 100% số điểm tương ứng cho mỗi hoạt động	20		
II	Tham gia các kỳ họp HĐND huyện			60		

1	Tham gia đầy đủ các phiên họp tại kỳ họp HĐND huyện	5 điểm/1 kỳ	- Vắng không có lý do chính đáng trừ 150% số điểm/ 1 phiên; vắng có lý do hoặc đi muộn trừ 50% số điểm tương ứng	10		
2	Tham gia thảo luận tại các kỳ họp, phiên họp HĐND huyện.	- 6 điểm tại phiên họp toàn thể; 4 điểm tại phiên họp Tổ	Không tham gia thảo luận không được tính điểm và trừ thêm 30% số điểm tương ứng.	20		
3	Chủ động giám sát, nắm bắt tình hình bức xúc, tiêu cực, có câu hỏi và đăng ký chất vấn tại kỳ họp và yêu cầu giải trình tại phiên họp TT HĐND huyện	- Có câu hỏi chất vấn, yêu cầu giải trình 10 điểm/1 kỳ. - Có truy vấn tại kỳ họp và phiên họp TT: 10 điểm/năm		30		
III	Tiếp xúc cử tri			50		
1	Tham gia đầy đủ các cuộc TXCT trước và sau kỳ họp HĐND	- Trước kỳ họp: 10 điểm/1 kỳ. - Sau kỳ họp: 5 điểm/1 kỳ	- Vắng không lý do trừ 150%; có lý do trừ 50% số điểm tương ứng/ 1 cuộc TXCT/ 1 đợt TXCT	30		
2	Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm và BC tình hình KTXH, kết quả hoạt động của mình trước cử tri nơi ứng cử	10 điểm/1 kỳ	- Không BC, cử tri đánh giá không hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm trừ 150% số điểm tương ứng	20		
IV	Tiếp công dân			56		
1	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm theo KH, lịch tiếp dân của TT HĐND	- 3 điểm/1 phiên/1 tháng	Không thực hiện trừ 150% số điểm; thực hiện không nghiêm túc, không đầy đủ trừ 50% số điểm.	36		
2	Tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân (nếu có); nghiên cứu, chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật; thường xuyên theo dõi, đôn đốc giải quyết; kịp thời thông báo kết quả đến người khiếu nại, tố cáo kiến nghị theo quy định.	Nhận đơn: 5 điểm; xử lý, chuyển đơn: 5 điểm; theo dõi, đôn đốc: 5 điểm; thông báo kết quả xử lý đơn và kết quả giải quyết: 5 điểm (tính trên cả năm)	Không thực hiện trừ 150% số điểm; thực hiện không nghiêm túc, không đầy đủ trừ 50% số điểm.	20		
V	Hoạt động giám sát			30		
1	Thực hiện đầy đủ có hiệu quả nghĩa vụ, trách nhiệm và giám sát thường xuyên nơi ứng cử		- Không thực hiện trừ 150% số điểm. - Thực hiện chưa đầy đủ trừ 50% số điểm.	10		
2	Theo dõi giám sát việc giải quyết các KNTC, ý kiến, kiến nghị của cử tri tại các cuộc tiếp dân, TXCT mà đại biểu tham gia		- Không theo dõi, không nắm được Nội dung vụ việc trừ 150% số điểm. - Theo dõi nhưng hiệu quả thấp trừ 50% số điểm.	10		
3	Tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát, thăm tra, khảo sát do		Không tham gia không có lý do trừ 150% số	10		

	các đoàn giám sát của TT HĐND, các Ban HĐND tỉnh, huyện, xã mời và thông báo		điểm(tính trên số điểm/ số cuộc tương ứng)			
VI	Tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu			60		
1	Tham dự các cuộc họp Tổ theo định kỳ hàng quý và trước mỗi kỳ họp HĐND huyện (6 cuộc/ 1 năm)	- 1 cuộc: 5 điểm	Vắng mặt không có lý do chính đáng trừ 150%, vắng có lý do hoặc đi muộn trừ 50% số điểm tương ứng tính trên mỗi cuộc	30		
2	Thực hiện đầy đủ trách nhiệm phản ánh tình hình, đề xuất các vấn đề có liên quan và tham gia thảo luận trong các cuộc họp Tổ đại biểu. (6 cuộc/ 1 năm)	- Thảo luận tính 2 điểm, phản ánh 1 điểm; đề xuất 2 điểm/ 1 cuộc	Không thảo luận, không phản ánh tình hình, không đề xuất trong mỗi cuộc họp tổ trừ 150% số điểm tương ứng/ 1 cuộc	30		
	Tổng điểm chấm			300		

1. 4. Đối với HĐND các xã, thị trấn

STT	Tiêu chí chấm điểm	Cách tính điểm	Điểm trừ (Điểm tối đa trừ đi điểm phải trừ)	Điểm tối đa	Điểm tự chấm
I	Xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện			109	
1	Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế hoạt động của HĐND, quy chế làm việc của TT, các Ban HĐND; quy chế phối hợp và hoạt động khác gửi về TT HĐND, UBND huyện	5 loại, mỗi loại tính 5 điểm.	- Không có trừ 150% số điểm; xây dựng muộn, hoặc có xây dựng nhưng không gửi hoặc gửi muộn trừ 50% số điểm tương ứng	25	
2	Xây dựng, ban hành và triển khai đầy đủ các chương trình công tác của HĐND, TT HĐND, các Ban HĐND gửi về TT HĐND, UBND huyện đúng quy định (năm, 6 tháng, 4 quý, 12 tháng)	- Chương trình công tác năm, 6 tháng: 5 điểm x2/BC - CTCT quý: 3 điểm x 4/BC - CTCT tháng: 2 điểm x 12/VB	- Không có trừ 150% số điểm; xây dựng muộn, XD nhưng không gửi hoặc gửi muộn trừ 50% số điểm tương ứng	46	
3	Triển khai, tổ chức thực hiện tốt các quy chế, chương trình công tác đồng thời tổng hợp và BC đầy đủ, kịp thời, có chất lượng theo định kỳ kết quả thực hiện và hoạt động về TT HĐND, UBND huyện theo quy định (năm, 6 tháng, 4 quý, 12 tháng)	- BC năm, 6 tháng: 5 điểm x 2/BC - BC quý: 3 điểm x 4/BC - BC tháng: 2 điểm x 8/BC (HĐND xã BC về TT HĐND, UBND huyện, các Ban HĐND xã BC về TT HĐND xã và Ban HĐND huyện).	- Không có BC trừ 150% số điểm; BC muộn, hoặc có nhưng không gửi trừ 50% số điểm tương ứng	38	

II	Triển khai và thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của Luật TCCQ địa phương, Luật GS của QH và HĐND các cấp và các quy định khác của pháp luật	- HĐND: 20 điểm. - TT HĐND: 20 điểm. - Mỗi ban: 20 điểm/1 ban	Không triển khai thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, có nhưng vi phạm trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng kết quả, hiệu quả thấp trừ 50% số điểm tương ứng	80	
III	Chế độ họp và hội nghị			144	
1	Tổ chức đầy đủ, đúng các kỳ họp thường lệ và kỳ họp bất thường, kỳ họp chuyên đề (nếu có) theo luật định, đồng thời có đầy đủ BB, NQ, các BC đúng thẩm quyền, trách nhiệm và hồ sơ đảm bảo chất lượng theo quy định	Có đầy đủ BB, NQ, các BC và hồ sơ đảm bảo chất lượng theo quy định (họp đủ, đúng: 10 điểm; hồ sơ đủ, chất lượng đảm bảo: 10 điểm/1 kỳ họp)	- Tổ chức kỳ họp không đúng thời gian trừ 150% số điểm số điểm tương ứng. - Hồ sơ không đủ, chất lượng không đảm bảo trừ 150%; đủ nhưng nộp muộn trừ 50% số điểm tương ứng	40	
2	Chuẩn bị đầy đủ nội dung và thực hiện nghiêm túc quy định về chế độ họp, phiên họp của TT HĐND, có đầy đủ BB, NQ, KL và được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định	5 điểm/1 HN hoặc phiên họp (12 phiên/1 năm + 2 HN liên tịch)	- Tổ chức phiên họp không đủ, hồ sơ không đảm bảo trừ 150% số điểm; tổ chức muộn, hồ sơ bảo đảm trừ 50% số điểm tương ứng.	70	
3	Đảm bảo đầy đủ, đúng thành phần tham dự kỳ họp, phiên họp, hội nghị của HĐND, TT HĐND.	- Kỳ họp HĐND xã: 2 kỳ x 5 điểm. - Phiên họp TT HĐND xã: 12 phiên x 2 điểm/1 phiên.	- Thành phần tham dự từ 90% đến dưới 95% trừ 50% số điểm tương ứng. - Từ 80% đến dưới 90% trừ 70% số điểm. - Thiếu dưới 80% không tính điểm.	34	
IV	Công tác chuẩn bị và tổ chức kỳ họp			114	
1	Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quy trình, quy định có chất lượng về công tác chuẩn bị kỳ họp (BC về TT HĐND, UBND huyện đúng quy định).	- Mỗi kỳ họp: HN liên tịch: 3 điểm. + Thông báo dự kiến Nội dung, chương trình, thời gian kỳ họp: 3 điểm. + Quyết định triệu tập, gửi triệu tập, giấy mời họp: 3 điểm. + Gửi tài liệu: 3 điểm	- Không có BC hoặc không đủ, không đảm bảo quy định, chất lượng, không hết chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền tổ chức trừ 150% số điểm; đủ nhưng muộn và nộp muộn trừ 50% số điểm tương ứng.	24	
2	Phối hợp chỉ đạo chặt chẽ, chất lượng, đầy đủ nội dung, văn bản,	2 kỳ họp x 20 điểm	- Không đủ, không đúng thẩm quyền hoặc	40	

	báo cáo, tài liệu, dự thảo NQ...của kỳ họp đúng thẩm quyền đồng thời gửi đến các thành phần họp đúng quy định.		vi phạm trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng hiệu quả chất lượng thấp; muộn không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng		
3	Tổ chức và điều hành kỳ họp			50	
3.1	Chủ tọa điều hành, quyết định và thực hiện đúng chương trình, đảm bảo linh hoạt, hiệu quả; đảm bảo thời gian và chất vấn, thảo luận sôi nổi (<i>thời gian mỗi kỳ họp ít nhất 1 ngày</i>)	2 kỳ họp x 5 điểm	- Không đảm bảo hoặc vi phạm trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng hiệu quả thấp; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng	10	
3.2	Điều hành linh hoạt, thực hiện tốt thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn	2 kỳ họp x 5 điểm	- Không thảo luận, chất vấn hoặc vi phạm trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng hiệu quả thấp; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng	10	
3.3	Quyết định ban hành và thông qua đúng, đầy đủ có chất lượng, đúng thẩm quyền, trách nhiệm về các NQ, VB, tài liệu các kỳ họp	2 kỳ họp x 10 điểm	- Không ban hành, ban hành không đảm bảo quy trình hoặc vi phạm trừ 150% số điểm; có nhưng chất lượng thấp; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng	20	
3.4	Nộp BC kết quả và hồ sơ kỳ họp đầy đủ, đúng thời gian, đảm bảo chất lượng	2 kỳ họp x 5 điểm	Nộp thiếu, chất lượng không đảm bảo trừ 150 số điểm; đủ, có chất lượng nhưng muộn trừ 50% số điểm tương ứng/mỗi kỳ	10	
V	Tiếp xúc cử tri			50	
	Xây dựng, triển khai và tổ chức tốt, đầy đủ hoạt động TXCT trước và sau kỳ họp (XD và triển khai; đầy đủ, có chất lượng; 100% Đb thực hiện nhiệm vụ TXCT; tổng hợp đầy đủ, có chất lượng KQ và ý kiến cử tri.	- TXCT trước kỳ họp: 15 điểm x 2 kỳ. - TXCT sau kỳ họp: 10 điểm x 2 kỳ.	- Không có KH, lịch cụ thể bố trí phân công hoặc vi phạm trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng hiệu quả thấp; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng	50	
VI	Tiếp dân của HĐND, TT HĐND, ĐB HĐND			40	
	Xây dựng KH, triển khai và phân công tổ chức tốt, đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm tiếp dân của HĐND, TT HĐND, ĐB HĐND	- XD và triển khai KH: 5 điểm; - Lịch và phân công: 5 điểm.	- Không có hoặc vi phạm trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng hiệu quả thấp; không	40	

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đầy đủ: 5 điểm. - Nhận, xử lý, chuyển, đơn độc giải quyết đúng quy định: 10 điểm - Không để xảy ra đơn thư khiếu kiện vượt cấp, điểm nóng: 10 điểm. - Định kỳ đánh giá KQ và có BC gửi về TT HĐND huyện: 5 điểm 	đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng		
VII	Hoạt động giám sát, kiểm tra, khảo sát			50	
1	TT HĐND thực hiện nghiêm túc, đúng quy định về XD, và quyết định chương trình, KH giám sát, kiểm tra, khảo sát	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình, quyết định chương trình đúng: 5 điểm. - Nội dung thiết thực, trọng tâm: 5 điểm 	- Không có, không đúng hoặc vi phạm trừ 150% số điểm; có nhưng không thiết thực trừ 50% số điểm tương ứng	10	
2	Triển khai chương trình giám sát, kiểm tra, khảo sát đầy đủ, có chất lượng, sát thực tiễn, có trọng tâm	<ul style="list-style-type: none"> - XD KH triển khai thực hiện chương trình kịp thời, cụ thể: 5 điểm. - KH chi tiết, thiết thực, có chất lượng: 5 điểm 	- Không có hoặc vi phạm trừ 150% số điểm; có nhưng muộn, chất lượng thấp; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng	10	
3	ĐB, HĐND, TT HĐND, các Ban thực hiện tốt chức năng giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề.	<ul style="list-style-type: none"> - TT tính: 5 điểm - Mỗi ban: 5 điểm 	- Không thực hiện chức năng trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng không hết chức năng, hiệu quả thấp; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng	15	
4	Tổ chức tốt, hoàn thành và có chất lượng chương trình và KH giám sát chuyên đề; có đầy đủ hồ sơ và BC kết quả, có chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoàn thành: 10 điểm. - Đủ hồ sơ: 5 điểm 	- Không hoàn thành, vi phạm quy trình hoặc hồ sơ không bảo đảm trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng kết quả thấp; không thiết thực trừ 50% số điểm tương ứng	15	
VIII	Hoạt động của các Ban HĐND xã			58	
1	Các Ban XD chương trình, KH và tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng: 5 điểm - Tổ chức thực hiện: 5 điểm 	- Không xây dựng hoặc không thực hiện tốt trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng hiệu quả thấp; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng	10	

2	Các Ban XD chương trình, KH và tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ giám sát, khảo sát	<ul style="list-style-type: none"> - GS thường xuyên: 3 điểm/1 ban - Giám sát chuyên đề: 2 điểm/1 ban. - Khảo sát: 1 điểm/1 ban 	<ul style="list-style-type: none"> - Không xây dựng, không thực hiện trừ 150% số điểm; có xây dựng nhưng thực hiện chất lượng, hiệu quả thấp; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng 	12	
3	Chuẩn bị đầy đủ và thực hiện nghiêm túc quy định về chế độ họp của các Ban HĐND xã, có đầy đủ BB, NQ, KL và được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định (6 phiên/năm/mỗi ban)	<ul style="list-style-type: none"> - Chế độ họp: 1 điểm/1 phiên - Thông tin BC: 1 điểm/1 phiên - Hồ sơ: 1 điểm/1 phiên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức họp không đủ, không đảm bảo về hồ sơ trừ 150% số điểm; tổ chức muộn, trừ 50% số điểm tương ứng. 	36	
IX	Các hoạt động khác			140	
1	Thực hiện đầy đủ chế độ họp và thông tin đột xuất hoặc theo chuyên đề khác theo yêu cầu của TT HĐND, các Ban HĐND huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Họp: 15 điểm. - Thông tin BC: 15 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đầy đủ, thiếu nghiêm túc trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng chất lượng thấp, muộn; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng 	30	
2	TT HĐND, các Ban HĐND thiết lập đầy đủ hồ sơ sổ sách, hồ sơ quản lý, theo dõi, điều hòa hoạt động công tác; thực hiện ghi chép, quản lý đầy đủ, đảm bảo chất lượng, chặt chẽ, kịp thời	<ul style="list-style-type: none"> - TT HĐND: 20 điểm - Mỗi ban: 10 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đầy đủ trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng chất lượng thấp; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng 	40	
3	Thực hiện tốt công tác văn phòng			70	
3.1	HĐND, TT, các Ban HĐND ban hành VB kịp thời đúng quy định, thẩm quyền, chặt chẽ, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu lực, hiệu quả, quản lý, phát hành và lưu trữ đầy đủ, đúng quy định	<ul style="list-style-type: none"> - HĐND: 10 điểm - TT HĐND: 10 điểm - Mỗi ban 5 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đúng, không kịp thời trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng chậm, chất lượng thấp,; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng 	30	
3.2	Quản lý, theo dõi chặt chẽ, xử lý kịp thời thực hiện đúng quy định và trách nhiệm VB, thông tin đi và đến	<ul style="list-style-type: none"> - TT HĐND: 10 điểm - Mỗi ban: 5 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đúng, không chặt chẽ trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng chất lượng thấp, muộn; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng 	20	
3.3	Công tác văn phòng đảm bảo và đáp ứng yêu cầu tham mưu, tổng hợp, phục vụ hoạt động của HĐND theo luật định	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, tổng hợp: 10 điểm. - Phục vụ: 10 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đảm bảo trừ 150% số điểm; thực hiện nhưng chất lượng hiệu quả thấp; không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng 	20	
X	XD và triển khai thực hiện tốt	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng: 10 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Không thực hiện trừ 	20	

	chế độ, quy chế phối hợp điều hòa hoạt động đảm bảo chất lượng, hiệu quả, kịp thời không trùng chéo	- Thực hiện: 10 điểm	150% số điểm; thực hiện nhưng chậm, trùng chéo, không kịp thời hiệu quả thấp trừ 50% số điểm tương ứng		
XI	TT HĐND, các Ban HĐND thực hiện và tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát, kiểm tra, khảo sát, thẩm tra, đoàn công tác theo yêu cầu của TT HĐND, các Ban HĐND của huyện, tỉnh	- TT HĐND: 5 điểm - Mỗi ban: 5 điểm	- Không tham gia không có lý do trừ 150% số điểm; thực hiện không đầy đủ trừ 50% số điểm tương ứng	15	
XII	Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực hoạt động trách nhiệm cho đại biểu, TT, các Ban HĐND đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, vai trò của cơ quan quyền lực nhà nước và ĐB dân cử ở địa phương	- Tuyên truyền: 10 điểm. - Nâng cao năng lực: 20 điểm. - Khẳng định vai trò: 10 điểm	Không thực hiện trừ 150% số điểm, thực hiện nhưng chậm, chất lượng hiệu quả thấp trừ 50% số điểm	40	
XIII	Kết quả chung			140	
1	Hoạt động của HĐND, TT HĐND, các ban HĐND, ĐB HĐND không vi phạm hiến pháp, pháp luật và các quy định của cơ quan nhà nước cấp trên	- HĐND: 10 điểm - TT HĐND: 10 điểm - Mỗi ban: 10 điểm	Vi phạm trừ 150% số điểm và không xếp loại thi đua	40	
2	Không có đại biểu HĐND vi phạm phải xử lý kỉ luật, xử lý hành chính		Có đại biểu vi phạm kỷ luật trừ 150%; xử lý hành chính trừ 50% số điểm và không xét thi đua.	50	
3	Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ KTXH do HĐND quyết định được thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch	20 điểm/ tổng chỉ tiêu kế hoạch nhà nước	- Hoàn thành 90% đến dưới 100% trừ 30% số điểm. - Từ 80% đến dưới 90% trừ 50% số điểm. - Hoàn thành dưới 80% không tính điểm. - Có 3 chỉ tiêu trở lên không hoàn thành không tính điểm	20	
4	Các điều kiện đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và chức năng, thẩm quyền hoạt động của HĐND, TT HĐND, ĐB HĐND (kinh phí+ điều kiện khác cho ĐB) được đảm bảo	- Kinh phí: 20 điểm - Điều kiện khác: 10 điểm	- Không đảm bảo trừ 50% số điểm tương ứng	30	
	Tổng điểm			1000	

1.2. Thời gian chấm điểm, đánh giá hàng năm

Được tính từ 01/12 năm trước đến hết 30/11 của năm đánh giá.

III. XẾP LOẠI HOẠT ĐỘNG

1. Xếp loại

Căn cứ kết quả hoạt động chung và tổng số điểm do TT HDND chấm và quyết định, kết quả hoạt động của các tập thể, cá nhân được đánh giá, xếp loại như sau:

1.1. Đối với tập thể

- Xếp loại Xuất sắc: Đạt từ 90% tổng số điểm trở lên
- Xếp loại Tốt: Đạt từ 80% đến dưới 90% tổng số điểm.
- Xếp loại Khá: Đạt từ 70% đến dưới 80% tổng số điểm
- Xếp loại Trung bình: Dưới 70% tổng số điểm

1.2. Đối với cá nhân

- Xếp loại Xuất sắc: Đạt từ 90% tổng số điểm trở lên.
- Xếp loại Tốt: Đạt từ 80% đến dưới 90% tổng số điểm.
- Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 70% đến dưới 80% tổng số điểm
- Xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ: Dưới 70% tổng số điểm

2. Quy trình chấm và đánh giá

2.1 Ban của HĐND huyện, Tổ đại biểu HĐND huyện, đại biểu HĐND huyện, TT HĐND các xã, thị trấn tự chấm điểm.

2.2 Ban của HĐND huyện, Tổ đại biểu HĐND huyện, TT, các Ban HĐND các xã, thị trấn tổ chức họp, tự chấm điểm của tập thể mình, xem xét điểm tự chấm của các thành viên trong tập thể và thống nhất chấm điểm cho từng thành viên; tự đánh giá, xếp loại cho tập thể và xếp loại cho từng thành viên trong tập thể; lập hồ sơ gửi về Thường trực HĐND huyện chậm nhất vào ngày 30/11 của năm xếp loại.

2.3 Thường trực HĐND huyện, xem xét việc đánh giá, xếp loại các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND huyện, HĐND các xã, thị trấn; xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu và tổ chức khen thưởng tại kỳ họp cuối năm của HĐND huyện.

Trên đây là quy định tiêu chí chấm điểm và đánh giá hoạt động hàng năm đối với các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu HĐND huyện Yên Thế khóa XXI, và HĐND các xã, thị trấn nhiệm kỳ 2016-2021. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Ban, các Tổ, đại biểu HĐND huyện và TT HĐND các xã, thị trấn phản ánh về Thường trực HĐND huyện để kịp thời xem xét, giải đáp./.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thanh

